

Số: 127/QĐ-THCS

Mỹ Phước, ngày 19 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên
Năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS MỸ PHƯỚC A

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019;

Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

Căn cứ vào kế hoạch nhiệm vụ năm học 2025 – 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Cần thơ;

Căn cứ thực tế tình hình đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trường THCS Mỹ Phước A năm học 2025 – 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Bảng phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THCS Mỹ Phước A năm học 2025 – 2026 (Phân công chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

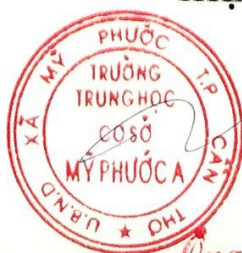
Điều 2. Cán bộ, giáo viên, nhân viên có tên trong danh sách được phân công có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng quy định chuyên môn, điều lệ nhà trường và hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2025 – 2026.

Điều 3. Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 03;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Ông Vĩnh Trường

DANH SÁCH PHÂN CÔNG CB-GV-NV NĂM HỌC 2025 - 2026

(Ban hành kèm theo quyết định số: 131/QĐ-THCS ngày 19 tháng 8 năm 2025)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ	Môn đào tạo	HK1	Phân công nhiệm vụ				Số tiết giảng	Số tiết thực dạy	Số tiết thừa/tuần	Tổ chuyên môn	Ghi chú
						Điều chỉnh phân công HK2	Tổng số tiết (HK1-HK2)	Chủ nhiệm	Kiểm nhiệm					
1	Ông Vĩnh Trường	HT	ĐHSP	Toán	Toán 7A5 (2 tiết)		2			17	2	0	Toán-Tin học	
2	Mai Thị Đế	TP	ĐHSP	Toán	Toán 9A3,4; 7A3,4, 7A5 (2 tiết)	Toán 4 lớp	18		TP	1	18	0	Toán-Tin học	
3	Đặng Văn Hiền	GV	ĐHSP	Toán	Toán 9A5; 6A1,2,3		16				16	-3	Toán-Tin học	
4	Danh Ngọc Mỹ	GV	CĐSP	Toán-Lý	Toán 9A1,2; 8A3,4,5	Toán 4 lớp	20-16				20	1	Toán-Tin học	
5	Huỳnh Quang Hưng	GV	ĐHSP	Toán	Toán 8A1,2,6; 7A6	Toán 5 lớp	16-20				16	-3	Toán-Tin học	
6	Liêu Thị Na Vành Ni	GV	ĐHSP	Toán	Toán 7A1,2, 6A4,5	Toán 5 lớp	16-20				16	-3	Toán-Tin học	
7	Bùi Thanh Tiên	TT	ĐHSP	Tin học	Tin học 7A1; 9A1,5; 8A4,5,6		12		TT	6	6	-7	Toán-Tin học	
8	Hồ Văn Quyền	GV	ĐHSP	Tin học	Tin học 6A3,4,5; 7A3,4,5,6; 8A3, TNHN		15	7A5		4	11	-4	Toán-Tin học	
9	Nguyễn Tuấn Đạt	GV	ĐHSP	Tin học	Tin học 6A1,2; 7A2; 8A1,2; 9A2,3,4 TNHN		15	9A4		4	11	-4	Toán-Tin học	
10	Nguyễn Thị Minh	TT	ĐHSP	Văn	Ngữ văn 9A3,4, 5	Văn 2 lớp	15-11		TT	3	12	-4	Ngữ văn	
11	Nguyễn Quang Hưng	GV	ĐHSP	Văn-Sử	Ngữ văn 7A1, 2; 8A1, 2		16				16	-3	Ngữ văn	
12	Tăng Thị Kim Lâm	GV	ĐHSP	Văn-Sử	Ngữ văn 9A1, 2; TNHN	Văn 3 lớp	16-20	9A2	TP	5	11	-3	Ngữ văn	
13	Hồ Thị Nhung	GV	ĐHSP	Văn	Ngữ văn 6A3, 4, 5; TNHN		19	6A5;		4	15	0	Ngữ văn	
14	Nguyễn Văn Hà	GV	CĐSP	Văn-Sử	Ngữ văn 7A3, 4, 5, 6		16				16	-3	Ngữ văn	
15	Trần Trường Giang	GV	ĐHSP	Văn	Ngữ văn 8A4, 5, 6; TNHN		19	8A6		4	15	0	Ngữ văn	
16	Lâm Súa	GV	ĐHSP	Văn	Ngữ văn 6A1, 2; 8A3; TNHN		19	6A2		4	15	0	Ngữ văn	
17	Huỳnh Đông Hóm	TT	ĐHSP	Địa-Sử	LSDL 9A12; GDDP 9		14		TT	3	11	-5	LS&ĐL-GDCD	
18	Huỳnh Thị Kim Nhựt	TP	ĐHSP	Sử	LSDL 6A345; GDDP 8		16		TP	1	15	-3	LS&ĐL-GDCD	
19	Phan Hoàng Linh	GV	ĐHSP	Sử	LSDL 7A3456; TNHN		19	7A6		4	15	0	LS&ĐL-GDCD	
20	Huỳnh Văn Chén	GV	ĐHSP	Địa-Sử	LSDL 8A1,2; 9A3,4,5		15				15	-4	LS&ĐL-GDCD	
21	Lê Hoàng Trang	GV	ĐHSP	Sử	LSDL 6A1,2, 7A1,2; TNHN		19	7A1		4	15	0	LS&ĐL-GDCD	
22	Hồ Thị Mộng Thủy	GV	ĐHSP	Địa-Sử	LSDL 8A3,4,5,6; TNHN		19	8A5		4	15	0	LS&ĐL-GDCD	
23	Phạm Thị Ánh Nguyệt	GV	ĐHSP	GDCD	GDCD 12 lớp 6A12; 7A1,2, K8, 9A1,2; GDDP 6A1,2 7A1,2;		16				16	-3	LS&ĐL-GDCD	
24	Trần Sương	GV	ĐHSP	GDCD	GDCD 10 lớp 6A3,4,5; 7A3,4,5,6; 9A3,4,5; TNHN		17	7A4		4	13	-2	LS&ĐL-GDCD	
25	Nguyễn Thanh Hồng	GV	CĐSP	Văn - Sử	GDDP 6A3,4,5; 7A3,4,5,6		7			3	7	-9	LS&ĐL-GDCD	
26	Dương Văn Vũ	TT	ĐHSP	Lý	KHTN 9A3,4,5		15		TT	3	12	-4	KHTN-CN	
27	Mai Thanh Nhung	GV	CĐSP	Sinh- TD	KHTN 6A3,4,5; TNHN		19	6A4		4	15	0	KHTN-CN	
28	Lâm Ngọc Tú	GV	CĐSP	Sinh- Địa	KHTN 8A1,2,3; TNHN		19	8A1		4	15	0	KHTN-CN	
29	Nguyễn Minh Thông	GV	ĐHSP	Hóa	KHTN 8A4,5,6; TNHN		19	8A4		4	15	0	KHTN-CN	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ	Môn đào tạo	Phân công nhiệm vụ					Số tiết giảng	Số tiết thực dạy	Số tiết thừa/tuần	Tổ chuyên môn	Ghi chú
					HK1	Điều chỉnh phân công HK2	Tổng số tiết (HK1-HK2)	Chủ nhiệm	Kiểm nhiệm	Nhiệm vụ khác				
30	Lý Thuởi	GV	ĐHSP	Hóa-Sinh	KHTN 6A1,2; 7A1; TNHNN		19	6A1		HSG Hoá (PT)	4	15	0	KHTN-CN
31	Dương Việt Sang	TP	ĐHSP	Lý-Tin	KHTN 9A1,2; TNHNN		16	9A1	TP, BT đoàn	HSG Lý (PT)	5	11	-3	KHTN-CN
32	Lê Văn Đến	GV	ĐHSP	Sinh	KHTN 7A3,4,5		15		Thiết bị		3	12	-4	KHTN-CN
33	Dương Thanh Hóa	GV	ĐHSP	Lý	KHTN 7A6; CN 9A4,5; 8A5,6; TNHNN		17	9A5			4	13	-2	KHTN-CN
34	Võ Thị Rùm Chí	GV	ĐHSP	CN	CN K6,7; TNHNN		18	6A3			4	14	-1	KHTN-CN
35	Mạch Thế Vinh	GV	ĐHSP	Lý-KTCN	CN 8A1,2,3,4; 9A1,2,3; TNHNN		18-17	9A3			4	14	-1	KHTN-CN
36	Nguyễn Thành Vũ	PHT	ĐHSP	Lý-KTCN	KHTN 7A2		4				15	4	0	KHTN-CN
37	Nguyễn Tấn Vãng	TT	ĐHSP	TD-Sinh	TT; 5 lớp (6a1,2; 7a1,2; 8a1)		13		TT	Trục Phước Thọ B, Bớt đường TDTT	3	10	-6	Năng khiếu
38	Trương Thị Bích Đào	GV	ĐHSP	TD	5 lớp (6a3,4,5; 8a3,4); TNHNN		17	8A3		BDTDTT	4	13	-2	Năng khiếu
39	Đào Hoàng Na	GV	ĐHSP	TD	5 lớp (7a3,4,5; 9a3,4); TNHNN		17	7A3		BDTDTT	4	13	-2	Năng khiếu
40	Trần Văn Sơn	GV	ĐHSP	TD	5 lớp (8a2,5,6; 9a1,2); TNHNN		17	8A2		BDTDTT	4	13	-2	Năng khiếu
41	Dương Thanh Tuấn	GV	ĐHSP	TD-TPT	2 lớp Phước Ninh (7a6; 9a5)		4		TPT	BDTDTT	13	4	-2	Năng khiếu
42	Bùi Thị Tố Quyên	GV	ĐHSP	Nhac	Day 22 lớp (K6-9)		22					22	3	Năng khiếu
43	Trần Thanh Phong	GV	CĐSP	Mỹ thuật	MT 14 lớp Phước Ninh		14					14	-5	Năng khiếu
44	Trần Quốc Liên	TP	ĐHSP	Mỹ Thuật	MT 8 lớp Phước Thọ; TNHNN		16	7A2	TP		5	11	-3	Năng khiếu
45	Quách Ngọc Duy	TT	ĐHSP	Tiếng Anh	Tiếng Anh 9A3-4-5; 6A1-2		18-18		TT	Ôn HSG (PN)	3	18	2	Ngoại ngữ
46	Nguyễn Thị Oánh	GV	ĐHSP	Tiếng Anh	Tiếng Anh 8A3,4,5,6; 7A3,4	Anh 5 lớp	18-15					18	-1	Ngoại ngữ
47	Sơn T Kéo Phol Luân	GV	ĐHSP	Tiếng Anh	Tiếng Anh 6A3,4,5; 7A5,6	Anh 6 lớp	15-18					15	-4	Ngoại ngữ
48	Phạm Thị Bích Ngân	GV	ĐHSP	Tiếng Anh	Tiếng anh 7A1,2; 8A1,2; 9A1,2		18-18			Ôn HSG (PT)		18	-1	Ngoại ngữ
49	Đỗ Thị Nanh	NV, TT	TC	TC VT	NV Văn thư									Hành chính
50	Trương Thị Thanh Thủy	NV	TC	TC KT	Kế toán trưởng									Hành chính
51	Nguyễn Thị Bé Thuận	NV	CĐ	Thư viện	NV thư viện									Hành chính
52	Ngô Thị Thu Thủy	NV	THCS	Phục vụ	NV Phục vụ									Hành chính
53	Nguyễn Quang Trường	NV	THPT	BV	NV Bảo vệ điểm Phước Thọ B									Hành chính
54	Lê Hoàng Nhã	NV	THCS	BV	NV Bảo vệ điểm Phước Ninh									Hành chính

TS 22 lớp: 5L6; 6L7;6L8; 5L9

Buổi học

Sáng K7,9; Chiều K6,8

Các lớp 6A1,2; 7A1,2; 8A1,2; 9A1,2 điểm Phước Thọ B; Các lớp còn lại điểm Phước Ninh

HIỆU TRƯỞNG

